TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 19 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kho - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2019/TLHS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXHS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Hòa S, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1978 tại huyện M, tỉnh Long An; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Đường B, khu phố 2, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ tên Lê Thị Minh L; có 01 con tên Phan Lê Kim A; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại điều tra, cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Hòa S: Luật sư Võ Văn V, có mặt - Văn phòng Luật sư N thuộc đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- *Người bị hại:* Bà Nguyễn Ngọc Doãn T, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú: Đường D, khu phố 1, phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường 1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Minh C (tên thường gọi là D), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà T, bà H, ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trang số 10/CT-VKSKT ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố bị cáo Phan Hòa S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Vào khoảng 09 giờ 15 phút ngày 06 tháng 10 năm 2018, Phan Hoà S sinh năm 1978 ngụ khu phố 2, phường 2, thị xã K một mình đi bộ trên đường L. Khi S đến trước chỗ bán bánh canh chả cá tại nhà số 42, thuộc khu phố 1, phường 1, thị xã K thấy xe mô tô biển kiểm soát 71B2 - 915.10 đậu trước vỉa hè có gắn sẵn chìa khoá của bà Nguyễn Ngọc Doãn T, sinh năm 1972, tạm trú tại khu phố 1, phường 1, thị xã K nên S nảy sinh ý định lấy trộm đem đi cầm. S tiến lại gần dẫn xe mô tô ra hướng chợ K một đoạn, rồi quẹo vào đường L điều khiển chạy về hướng xã B. Sau đó S đem xe gửi tại nhà ông Nguyễn Minh C sinh năm 1981 (là anh em bạn dì với S) tại ấp Gò Dưa, xã B, thị xã K. Đối với bà T đến 09 giờ 30 phút cùng ngày 06 tháng 10 năm 2018, phát hiện bị mất xe mô tô trên nên báo Công an phường 1, thị xã K. Qua thẩm tra Công an phường 1, thị xã K mời S làm việc thì S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô hiệu SYM, loại Attila, biển kiểm soát số 71B2 - 915.10, màu đỏ; trong cốp xe có 900.000 đồng, 17 tờ vé số kiến thiết mệnh giá 10.000 đồng/tờ, sổ ngày 06 tháng 10 năm 2018 (gồm 15 tờ đài Long An, 02 tờ đài Bình Phước) được thể hiện tại các bút lục số 29 đến 38, 49 đến 70, 88 đến 89.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 40/KL-HĐ-ĐGTS ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thị xã K, xác định 01 xe mô tô biển kiểm soát số 71B2 - 915.10 đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 4 năm 2013 có giá trị còn lại là 7.000.000 đồng được thể hiện tại các bút lục số 42 đến 43.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã K giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo S theo cáo trạng số 10/CT-VKSKT ngày 08 tháng 5 năm 2019 về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị như sau:

Về tội danh đề nghị: Truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã K để xét xử bị cáo S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo S từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo S về Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã K, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

Về vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu SYM, loại Attila biển kiểm soát số 71B2 - 915.10 qua thẩm tra xác định tên chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Cẩm H sinh năm 1974 ngụ khu phố 3, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà H đã giao cho bà T quản lý, sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trao trả 01 xe mô tô biển kiểm soát số 71B2 - 915.10, 900.000 đồng, 17 tờ vé số kiến thiết mệnh giá 10.000 đồng/tờ cho bà T xong theo biên bản trao trả ngày 06 tháng 10 năm 2018 và ngày 28 tháng 02 năm 2019 nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bà T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo S nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo S có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo S làm thuê, thu nhập thấp, không ổn định nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo S.

Tại phiên tòa, bị cáo S không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng bị cáo S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để được sớm về đoàn tụ cùng với gia đình.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo S - Luật sư Võ Văn V có ý kiến trình bày như sau: Về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã K đề nghị với bị cáo S là đúng quy định pháp luật. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo S là vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã K đề nghị áp dụng tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự thì bị cáo S có bà ngoại ruột được Nhà Nước phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng, là lao động chính, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có mẹ già, nuôi con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo S 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo S.

Tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà T, bà H, ông C vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo S thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo S để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, không oan. Lời khai nhận

tội của bị cáo S tại phiên tòa, được đối chiếu với biên bản định giá tài sản, bản tự khai của bị cáo S ngày 04 tháng 02 năm 2019, lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Bị cáo S biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ khi có hành vi trái pháp luật xâm phạm, nhưng bị cáo S đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, lợi dụng sự mất cảnh giác của người bị hại, có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người bị hại để thỏa mãn mục đích cá nhân. Tài sản mà bị cáo S chiếm đoạt có tổng giá trị là 8.070.000 đồng.

[3] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi phạm tội của bị cáo S đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố bị cáo S ra Tòa để xét xử theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây xôn xao dư luận trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo S bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để cách ly bị cáo S ra khỏi xã hội một thời gian mới giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo S đã gây ra. Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo S có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo S còn có bà ngoại được Nhà Nước phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng, có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, là lao động chính, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có mẹ già, nuôi con nhỏ sinh năm 2016. Đây là tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo S chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy nếu không bắt bị cáo S đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, bị cáo S có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo S khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo với thời gian dài thử thách, giao bị cáo S về chính quyền địa phương nơi bị cáo S cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo S đề nghị xử phạt bị cáo S 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Tài sản bị mất trộm đã trao trả xong cho người bị hại theo biên bản trao trả ngày 06 tháng 10 năm 2018 và ngày 28 tháng 02 năm 2019 nên Viện kiểm sát đề nghị không xem xét giải quyết là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm xong, không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo S nên Viện kiểm sát đề nghị không xem xét giải quyết là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo S làm thuê, thu nhập thấp, không ổn định nên Viện kiểm sát đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo S là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[10] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

[11] Theo quy định buộc bị cáo S phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Hòa S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự xử xử phạt bị cáo Phan Hòa S 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 6 năm 2019).

Giao bị cáo Phan Hòa S cho Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã K, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Phan Hòa S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tiếp tục cấm bị cáo Phan Hòa S đi khỏi nơi cứ trú để đảm bảo công tác thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm

2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Hòa S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cảnh sát điều tra Công an TXKT;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Bị cáo,
- Người bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp CA TXKT;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu